

Thứ tư, ngày 25 tháng 3 năm 2020

Vietnam Daily Review

Tăng điểm ấn tượng

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 26/3/2020	•		
Tuần 23/3-27/3/2020	•		
Tháng 3/2020	•		

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường chứng khoán Mỹ khởi sắc đã phần nào tác động tích cực tới VN-Index ngay từ đầu phiên sáng. Các mã bluechips như VCB, VNM, BID, GAS, CTG hồi phục tốt đã quay trở lại nâng đỡ thị trường. Chỉ số tiếp tục mở rộng đà tăng trong phiên chiều. Độ rộng thị trường cũng nghiêng hoàn toàn về phía bên mua với 300 cổ phiếu tăng giá, trong nhóm VN30 các mã BVH, GAS, PLX, PNJ tăng trần vào cuối phiên. Đây cũng là vận động đồng thuận với các TTCK chủ chốt khác trong khu vực. Tâm lý nhà đầu tư chủ yếu được củng cố bởi thông tin chính quyền Tổng thống Trump và Quốc hội Mỹ đạt thỏa thuận về một gói kích thích khổng lồ trị giá 2,000 tỷ USD nhằm hỗ trợ kinh tế ứng phó ảnh hưởng từ virus corona. Theo nhận định của BSC, với biến động mạnh của VN-Index trong thời điểm vừa qua, thị trường vẫn cần những nhịp hồi phục lên các ngưỡng kháng cự cao hơn trước khi thoát khỏi xu hướng tiêu cực hiện tại.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng mạnh theo chỉ số cơ sở. Thanh khoản duy trì tại mức cao, VN30 có thể tăng lên quanh 670 điểm trong những phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 25/03/2020, hầu hết chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm mạnh.

Danh mục i-Invest: Theme_FTSE Việt Nam_6.0%. 8/21 danh mục Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **FTSE Việt Nam** - được kỳ vọng sẽ thu hút dòng tiền lớn từ các quỹ đầu tư thụ động dựa theo chỉ số FTSE - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **6.0%**, con số này của VNINDEX là 4.7%

Phân tích kỹ thuật: PNJ_ Tín hiệu hồi phục (Trang 3)

Cập nhật iBroker: KBC, ACB, TPB, DRC, LPB, TCB

Điểm nhấn

- VN-Index **+31.04 điểm**, đóng cửa 690.25. HNX-Index **+3.14 điểm**, đóng cửa 100.09.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+4.95); VCB (+4.34); VHM (+3.65); VNM (+3.00); GAS (+2.18)**.
- Kéo chỉ số giảm: **BHN (-0.17); SBT (-0.13); HNG (-0.06); QCG (-0.04); PGD (-0.04)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,069 tỷ đồng**, **+1%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 22.67 điểm. Thị trường có **301 mã tăng**, 39 mã giảm và **84 mã giảm**.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **337.47 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm MSN (94.26 tỷ), SVC (61.03 tỷ) và VRE (37.42 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **21.99 tỷ đồng**.

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX 690.25Giá trị: 3069.13 tỷ **31.04 (4.71%)**

Khối ngoại (ròng): -337.47 tỷ

HNX-INDEX 100.09Giá trị: 371.04 tỷ **3.14 (3.24%)**

Khối ngoại (ròng): -21.99 tỷ

UPCOM-INDEX 49.53Giá trị: 0.29 tỷ **1.02 (2.1%)**

Khối ngoại (ròng): -8.14 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	24.7	2.67%
Giá vàng	1,605	-1.67%
Tỷ giá USD/VND	23,598	0.20%
Tỷ giá EUR/VND	25,486	-0.27%
Tỷ giá JPY/VND	21,187	-0.10%
LS liên NH 1 tháng	2.8%	18.08%
LS TPCP 5 năm	2.2%	-3.74%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	38.0	MSN	94.3
NLG	13.7	SVC	54.6
VIC	5.4	VRE	31.3
KSB	4.5	VHM	36.9
CTG	4.3	CII	33.1

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Cập nhật hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

- Bạn không có thời gian để đầu tư
- Bạn bán khoản với biến động thị trường
- Bạn cần hỗ trợ để đầu tư hiệu quả

I-INVEST LÀ CÔNG CỤ BẠN ĐANG TÌM KIẾM

Tìm hiểu thêm

Sử dụng i-Invest tại đây

Bản công bố rủi ro

Link

Link

Hướng dẫn sử dụng

Video giới thiệu danh mục Chủ đề

Link

Link

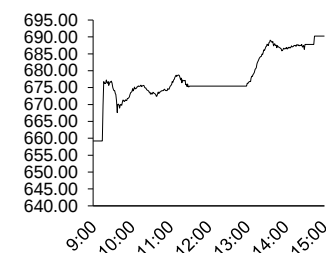
* **8/21 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **FTSE Việt Nam** - được kỳ vọng sẽ thu hút dòng tiền lớn từ các quỹ đầu tư thụ động dựa theo chỉ số FTSE - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **6.0%**, con số này của VNINDEX là 4.7%

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** gồm những mã cổ phiếu có triển vọng khả quan trong dài hạn:

- **8/9 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày hôm nay **tốt hơn VNINDEX**
- **3/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày hôm nay **tốt hơn VNINDEX**

Vũ Quốc Khánh
khanhvq@bsc.com.vn

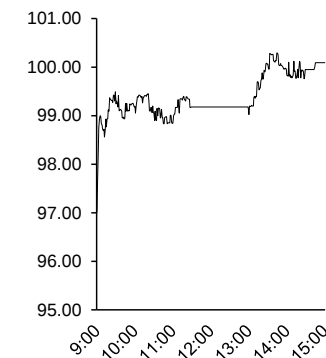
Hình 1
 HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Dầu khí	6.4%
Bất động sản	5.6%
Bảo hiểm	5.6%
Bán lẻ	5.5%
Ngân hàng	5.3%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	5.2%
Hàng cá nhân & Gia dụng	4.2%
Truyền thông	4.1%
Y tế	3.6%
Thực phẩm và đồ uống	3.6%
Công nghệ Thông tin	3.3%
Dịch vụ tài chính	3.1%
Tài nguyên Cơ bản	2.7%
Du lịch và Giải trí	2.2%
Xây dựng và Vật liệu	2.1%
Hóa chất	1.9%
Ô tô và phụ tùng	1.5%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.1%
Viễn thông	0.8%

Nguồn: FiinPro

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_FTSE Việt Nam_6.0%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Rủi ro ước tính
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề							
FTSE Việt Nam	6.0%	-9.4%	-23.4%	-28.1%	-30.1%	-30.7%	24.1%	16.1%
Ngân hàng	5.4%	-5.9%	-25.0%	-16.7%	-17.1%	-14.0%	35.6%	22.7%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	5.3%	-6.8%	-26.9%	-23.7%	-25.8%	-12.4%	39.2%	20.6%
Hàng tiêu dùng	5.2%	-5.6%	-23.7%	-27.1%	-35.8%	-30.9%	0.3%	18.9%
MSCI frontier 100 Việt Nam	5.2%	-9.4%	-24.6%	-29.4%	-32.8%	-33.2%	16.8%	15.1%
Chiến tranh thương mại	5.0%	-9.5%	-26.4%	-32.4%	-35.6%	-37.6%	-30.7%	17.0%
Top 10 cổ phiếu VN30	5.0%	-6.1%	-21.7%	-23.6%	-28.4%	-25.5%	7.6%	15.8%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	4.8%	-6.7%	-25.0%	-16.5%	-18.6%	-20.0%	9.5%	20.7%
Vật liệu Xây dựng	4.7%	-9.2%	-25.7%	-28.9%	-28.4%	-29.0%	-29.3%	19.9%
BDS & Khu công nghiệp	4.6%	-7.6%	-23.2%	-28.2%	-31.3%	-30.5%	-5.1%	17.0%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	4.6%	-7.2%	-22.2%	-23.1%	-27.2%	-21.3%	15.0%	16.6%
Lãi suất giảm	4.5%	-10.5%	-28.2%	-28.7%	-33.1%	-34.9%	-8.1%	18.6%
Bảo hiểm & Chứng khoán	4.5%	-7.1%	-21.7%	-29.1%	-32.6%	-39.7%	-6.7%	21.9%
VN Diamond	4.4%	-5.7%	-23.3%	-20.2%	-24.8%	-14.9%	14.7%	18.4%
Cổ phiếu hết room ngoại	4.4%	-5.7%	-21.4%	-21.3%	-25.6%	-15.7%	15.5%	18.4%
Ngành Dược	4.2%	-1.2%	-12.5%	-11.1%	-11.2%	-9.6%	16.9%	18.2%
VN FinSelect	4.1%	-6.2%	-23.1%	-16.0%	-18.4%	-20.0%	5.9%	19.2%
Dầu khí	3.9%	-5.2%	-29.1%	-38.7%	-43.7%	-43.4%	-27.8%	24.3%
Nước & Năng lượng	3.7%	-4.2%	-19.5%	-27.2%	-30.7%	-28.8%	5.2%	15.7%
Xây dựng	3.1%	-5.6%	-19.9%	-24.9%	-36.4%	-40.3%	-34.6%	18.9%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	2.0%	-5.9%	-16.4%	-19.1%	-16.4%	-16.9%	11.0%	15.2%
Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 6	5.8%	-4.2%	-24.8%	-21.2%	-26.2%	-22.1%	12.9%	19.9%
Danh mục 9	5.5%	-7.7%	-28.1%	-28.1%	-29.5%	-30.5%	35.7%	20.6%
Danh mục 4	5.3%	-6.2%	-22.9%	-25.2%	-26.1%	-13.7%	38.7%	19.7%
Danh mục 2	4.8%	-6.9%	-23.5%	-27.3%	-29.0%	-21.5%	13.1%	19.4%
Danh mục 5	4.4%	-6.9%	-22.4%	-24.0%	-25.8%	-13.5%	29.9%	18.2%
* Note	8/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX							
Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Khẩu vị Rủi ro							
Danh mục 10	5.4%	-5.6%	-21.3%	-24.1%	-24.9%	-15.6%	14.6%	16.5%
Danh mục 11	5.0%	-5.1%	-17.6%	-19.6%	-23.1%	-12.8%	16.9%	16.9%
Danh mục 12	5.0%	-7.7%	-24.5%	-26.1%	-29.6%	-17.2%	43.4%	18.0%
* Note	3/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX							
INDEX								
VNINDEX	4.7%	-7.7%	-24.1%	-27.5%	-30.0%	-30.2%	-3.2%	16.3%
VN30INDEX	4.3%	-6.9%	-23.2%	-24.3%	-28.3%	-28.5%	-1.7%	16.8%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

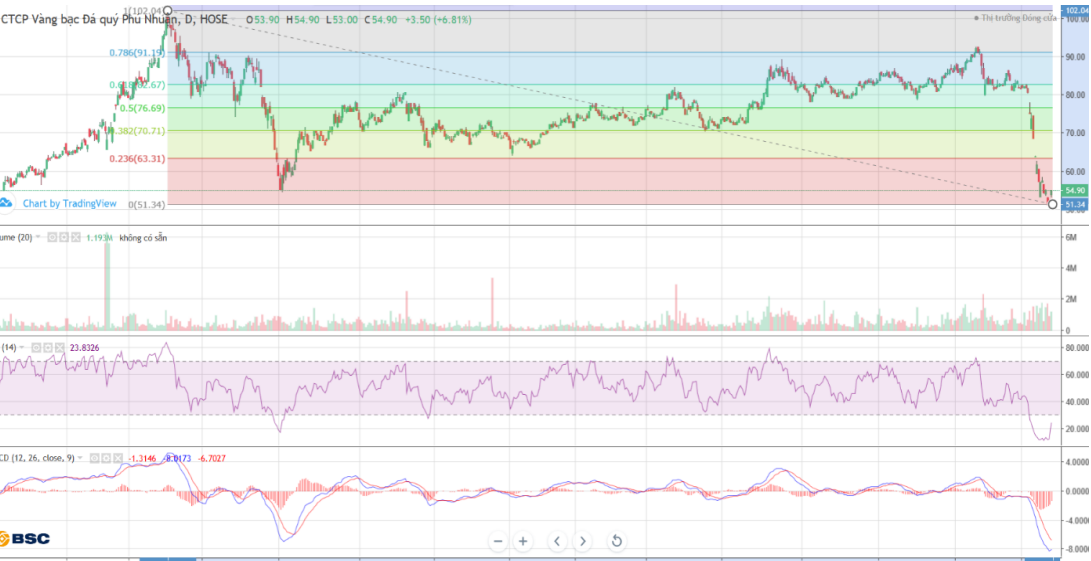
Phân tích kỹ thuật

PNJ_ Tín hiệu hồi phục

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục ngắn hạn
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ âm, MACD nằm dưới đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: vùng bán quá, xu hướng hồi phục.

Nhận định: PNJ đang nằm trong nhịp hồi phục ngắn hạn sau khi chạm ngưỡng đáy tại vùng giá 50. Thanh khoản cổ phiếu duy trì ở ngưỡng trung bình 20 phiên trong các phiên giao dịch gần nhất, cho thấy động lực tăng đang dần hình thành. Chỉ báo RSI đang báo hiệu nhịp tăng giá ngắn hạn trong khi chỉ báo MACD đang cho thấy dấu hiệu đảo chiều tích cực. Đường giá cổ phiếu vẫn nằm dưới dải mây Ichimoku, cho thấy động lực tăng giá trung hạn chưa hình thành. Nhà đầu tư có thể mở vị thế tại ngưỡng giá 55, chốt lời ngắn hạn tại ngưỡng giá 65 hoặc tung hạn tại ngưỡng giá 70 nếu diễn biến cổ phiếu duy trì trạng thái tích cực với mức thanh khoản cao. Cắt lỗ nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ 51.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_Bứt phá	Link	TAR_Hồi phục từ đáy	Link
STB_Bứt phá	Link		
KSB_Mô hình hai đáy	Link		
TIG_Bứt phá	Link		

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 25/3/2020

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 25/3	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	25.03	4.25%	20.16%	-51.50%	-57.57%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	28.12	3.57%	13.02%	-49.60%	-57.66%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	48.86	10.12%	-23.38%	-71.50%	-73.22%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1619.85	-0.76%	9.00%	-2.40%	24.85%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	14.38	0.67%	19.99%	-22.90%	-5.72%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	894.00	0.82%	8.30%	1.30%	-6.14%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	561.00	-0.09%	10.38%	4.90%	8.83%		AFX
Sữa	USD /cwt	15.38	-0.58%	-1.16%	-9.40%	-3.15%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	152.90	1.33%	-5.97%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	11.27	2.08%	3.49%	-25.50%	-19.33%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	125.60	3.59%	22.42%	13.90%	14.39%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	4814.00	3.97%	-6.42%	-16.50%	-23.95%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3441.00	0.85%	-3.31%	-1.50%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1547.50	-0.86%	-6.30%	-9.70%	-18.03%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	657.50	3.95%	-2.95%	-3.10%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	66.85	3.97%	0.75%	-1.10%	-20.98%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu Brent tăng 12 US cent/thùng hay 0.4% lên 27.15 USD/thùng, trong khi dầu WTI tăng 65 US cent hay 2.8% lên 24.01 USD/thùng. Giá dầu tăng nhẹ trong phiên vừa qua, khi đại dịch Covid-19 gây thiệt hại nặng nề được hỗ trợ bởi hy vọng về gói cứu trợ kinh tế trị giá 2 nghìn tỷ USD của Mỹ sắp tới.
- Ấn Độ, quốc gia tiêu thụ dầu mỏ lớn thứ 3 thế giới đã yêu cầu 1.3 tỷ dân ở nhà trong 3 tuần từ ngày 24/3, quốc gia này thông báo hạn chế tiếp xúc xã hội, điều đó đã phá hủy nhu cầu xăng và nhiên liệu bay trên toàn cầu.

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 5% lên 1,629.85 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 4 tăng 5.95% lên 1,660.8 USD/ounce. Giá vàng giao ngay tăng nhưng không nhiều như vàng kỳ hạn khi thị trường lo lắng những hạn chế đi lại bằng đường hàng không và việc đóng cửa nhà máy luyện kim loại quý sẽ cản trở các chuyển vàng sang Mỹ để đáp ứng các hợp đồng.

Giá nông sản

- Giá đường thô kỳ hạn tháng 5/2020 trên sàn ICE tăng 0.23 US cent hay 2.1% lên 11.27 US cent/lb. Giá đường trắng giao cùng kỳ hạn trên sàn London giảm 1.7 USD hay 0.5% xuống 338.9 USD/tấn.
- Các nhà máy Brazil dự kiến chuyển từ sản xuất ethanol sang sản xuất đường trong niên vụ mới, khi giá xăng đang giảm và đồng nội tệ của nước này yếu làm giảm sức hấp dẫn của nhiên liệu sinh học này.
- Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 5/2020 trên sàn ICE tăng 4.35 US cent hay hơn 3% lên 1.256 USD/lb. Giá cà phê robusta giao cùng kỳ hạn trên sàn London tăng 13 US lên 1,257 USD/tấn.

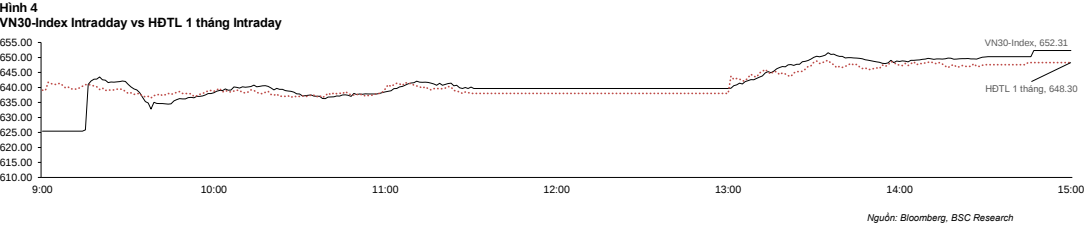
Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn tháng 8/2020 trên sàn TOCOM tăng 2 JPY lên 150.9 JPY (1.36 USD)/kg. Giá cao su kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn Thượng Hải tăng 65 CNY lên 9,760 CNY/tấn.
- Giá cao su trên sàn giao dịch hàng hóa Tokyo (TOCOM) tăng sau 3 phiên giảm liên tiếp, do việc sản giá hời và thị trường chứng khoán Tokyo phục hồi, mặc dù đã tăng bị hạn chế bởi lo sợ về Covid-19.

Giá sắt thép

- Quặng sắt trên Sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên tăng 0.2%, đóng cửa tại 639.5 CNY (90.4 USD)/tấn. Giá quặng sắt của Trung Quốc thay đổi ít, giằng co giữa nhu cầu thấp do hạn chế đi lại khắp thế giới để kiểm soát sự lây lan của đại dịch Covid-19 và nguồn cung của nguyên liệu thô sản xuất thép đang giảm.
- Vale, một trong những nhà cung cấp quặng sắt chủ chốt cho Trung Quốc cho biết họ sẽ dừng hoạt động tại kho cảng phân phối Teluk Rubiah, Malaysia từ ngày 24/3 tới 31/3 để đảm bảo an toàn cho công nhân trong bối cảnh đại dịch, nhưng cho biết động thái này sẽ không ảnh hưởng tới sản xuất và doanh số trong năm 2020.
- Thép thanh trên sàn giao dịch Thượng Hải tăng 0.4%, trong khi thép cuộn cán nóng tăng 1.5%.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2004	648.30	3.56%	-4.01	-20.4%	167,871	4/16/2020	24
VN30F2005	642.90	3.53%	-9.41	4.8%	940	5/21/2020	59
VN30F2006	644.80	3.92%	-7.51	-25.4%	182	6/18/2020	87
VN30F2009	645.00	3.13%	-7.31	-5.5%	120	9/17/2020	178

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index phục hồi tích cực 26.88 điểm lên mức 652.31 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VNM, VIC, VHM, VPB, và MWG tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. Trong phiên sáng, VN30 tăng mạnh lên 642 điểm, sau đó giằng co quanh 635-640 điểm. Sang phiên chiều, VN30 tăng tích cực lên trên 650 điểm. Thanh khoản duy trì tại mức cao, VN30 có thể tăng lên quanh 670 điểm trong những phiên tới.

- Các HDTL đều tăng mạnh theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2004 và VN30F2006 đang tăng, trong khi VN30F2005 và VN30F2009 đang giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2006, các hợp đồng đều tăng. Điều này báo hiệu vận động hồi phục trong ngắn hạn, điều chỉnh giảm trong trung và dài hạn. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 655 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá lý thuyết	Price/Value
CVPB2002	VPBS	4/8/2020	14	2:1	62,380	212.7%	2.0 triệu	33.49%	1,000	700	169.23%	274.60	2.55
CPNJ2001	MBS	4/24/2020	30	5:1	345,920	2441.7%	2.0 triệu	29.81%	2,200	100	100.00%	-	-
CMWG2004	SSI	6/15/2020	82	1:1	30,220	-83.7%	1.0 triệu	31.16%	13,600	610	64.86%	36.10	16.90
CVPB2004	SSI	5/14/2020	50	1:1	192,670	-27.0%	3.0 triệu	33.49%	4,100	450	36.36%	124.40	3.62
CVNM2002	KIS	12/16/2020	266	5:1	187,290	1791.8%	3.0 triệu	26.87%	3,200	1,080	31.71%	90.40	11.95
CTCB1902	VND	6/5/2020	72	1:1	80,280	410.7%	2.0 triệu	29.79%	5,300	590	22.92%	44.20	13.35
CMWG2001	HSC	6/22/2020	89	10:1	592,370	115.4%	5.0 triệu	31.16%	1,700	60	20.00%	0.80	75.00
CVPB2003	VCSC	7/22/2020	119	1:1	7,110	184.4%	1.5 triệu	33.49%	2,200	2,400	20.00%	1,008.10	2.38
CVRE2001	KIS	9/21/2020	180	4:1	743,510	662.6%	8.0 triệu	32.61%	1,500	140	16.67%	1.10	127.27
CFPT1908	MBS	6/17/2020	84	3:1	69,090	-38.2%	2.4 triệu	27.12%	3,150	570	14.00%	133.70	4.26
CDPM2002	KIS	12/16/2020	266	1:1	16,010	79950.0%	2.0 triệu	31.97%	1,700	1,580	8.22%	372.20	4.25
CSTB2001	KIS	6/19/2020	86	1:1	264,020	54.3%	5.0 triệu	30.36%	1,500	610	7.02%	81.70	7.47
CVPB2001	HSC	6/22/2020	89	2:1	16,330	-73.3%	5.0 triệu	33.49%	1,500	1,550	4.73%	801.10	1.93
CDPM2001	KIS	6/19/2020	86	2:1	71,270	-63.5%	2.0 triệu	31.97%	1,000	260	4.00%	37.10	7.01
CSTB2002	KIS	12/16/2020	266	1:1	161,500	-11.1%	3.0 triệu	30.36%	1,700	1,380	3.76%	268.10	5.15
CMSN2001	KIS	12/16/2020	266	5:1	48,900	160.5%	2.0 triệu	28.98%	2,300	1,250	0.81%	211.10	5.92
CROS2001	KIS	6/19/2020	86	4:1	434,650	1151.9%	10.0 triệu	55.74%	1,500	50	0.00%	-	-
CHPG2003	MBS	5/4/2020	40	3:1	425,000	29.9%	6.0 triệu	30.33%	1,570	140	-6.67%	-	-
CFPT1905	SSI	4/22/2020	28	1:1	72,650	824.3%	1.0 triệu	27.12%	9,900	370	-26.00%	12.60	29.37
CSBT2001	KIS	12/16/2020	266	1:1	39,760	n/a	2.0 triệu	28.47%	2,900	680	-43.80%	17.60	38.64
Tổng:					3,860,930		67.90 triệu	31.89%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 25/03/2020, hầu hết chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm mạnh.

- Về giá, CVNM2002 và CVPB2003 tăng mạnh lần lượt là 31.71% và 20.00%. Giá trị giao dịch giảm -35.48%. CVRE2001 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 13.39% thị trường.

- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là VPB, các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CVPB2002 và CVPB2001 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CVPB2001 và CVPB2003 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	92.00	6.85	4.44
VIC	76.50	6.99	3.14
VHM	59.10	6.87	1.93
VPB	20.30	4.10	1.86
MWG	73.00	6.10	1.69

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
SBT	11.9	-6.67	-0.31
ROS	4.3	-5.51	-0.09
EIB	16.0	0.00	0.00
MSN	49.1	0.00	0.00
NVL	52.1	0.19	0.05

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hóa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVPB2002	22,300	20,300	20,300
CPNJ2001	94,500	83,500	54,900
CMWG2004	24,100	10,500	73,000
CVPB2004	28,100	24,000	20,300
CVNM2002	157,111	141,111	92,000
CTCB1902	26,300	21,000	16,600
CMWG2001	132,000	115,000	73,000
CVPB2003	24,200	22,000	20,300
CVRE2001	42,789	36,789	18,900
CFPT1908	63,450	54,000	46,000
CDPM2002	16,952	15,252	11,600
CSTB2001	12,499	10,999	9,110
CVPB2001	23,000	20,000	20,300
CDPM2001	16,567	14,567	11,600
CSTB2002	13,588	11,888	9,110
CMSN2001	77,289	65,789	49,100
CROS2001	32,468	26,468	4,290
CHPG2003	26,810	22,100	17,800
CFPT1905	64,900	55,000	46,000
CSBT2001	24,011	21,111	11,900

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	73.0	6.1%	1.0	1,437	4.4	8,655	8.4	2.7	49.0%	36.3%
PNJ	Bán lẻ	54.9	6.8%	1.3	538	2.8	5,361	10.2	2.7	49.0%	28.7%
BVH	Bảo hiểm	37.0	6.9%	1.4	1,193	0.9	1,632	22.6	1.4	29.2%	6.7%
PVI	Bảo hiểm	27.9	4.1%	0.6	280	0.0	2,623	10.6	0.9	54.3%	8.8%
VIC	Bất động sản	76.5	7.0%	0.9	11,250	4.5	2,268	33.7	3.4	14.5%	11.7%
VRE	Bất động sản	18.9	6.8%	1.1	1,867	3.7	1,253	15.1	1.6	32.3%	10.3%
NVL	Bất động sản	52.1	0.2%	0.8	2,196	0.7	3,552	14.7	2.3	6.3%	16.6%
REE	Bất động sản	29.2	3.5%	0.9	394	0.5	5,287	5.5	0.9	49.0%	16.6%
DXG	Bất động sản	9.8	4.1%	1.5	221	0.5	2,850	3.4	0.7	42.7%	20.3%
SSI	Chứng khoán	13.4	6.8%	1.3	301	1.4	1,787	7.5	0.7	52.2%	9.9%
VCI	Chứng khoán	16.1	0.3%	1.0	115	0.1	4,218	3.8	0.7	35.2%	18.0%
HCM	Chứng khoán	13.4	6.4%	1.7	177	1.0	1,421	9.4	0.9	54.4%	11.7%
FPT	Công nghệ	46.0	3.4%	0.8	1,357	4.2	4,631	9.9	2.2	49.0%	23.7%
FOX	Công nghệ	39.1	-9.1%	0.4	423	0.0	4,812	8.1	2.1	0.2%	28.3%
GAS	Dầu khí	60.1	6.9%	1.5	5,001	2.8	6,096	9.9	2.4	3.5%	25.5%
PLX	Dầu khí	40.1	6.9%	1.5	2,076	0.8	3,495	11.5	2.1	13.3%	19.6%
PVS	Dầu khí	10.6	3.9%	1.5	220	2.0	1,529	6.9	0.4	17.5%	6.2%
BSR	Dầu khí	5.7	0.0%	0.8	768	0.7	898	6.3	0.6	41.1%	11.0%
DHG	Dược	80.8	6.9%	0.6	459	0.2	4,668	17.3	3.1	54.3%	18.8%
DPM	Hóa chất	11.6	1.8%	0.6	197	0.1	774	15.0	0.6	18.3%	4.7%
DCM	Hóa chất	5.8	2.7%	0.5	133	0.1	600	9.6	0.5	1.8%	5.2%
VCB	Ngân hàng	62.0	6.9%	1.3	9,998	4.9	5,003	12.4	2.8	23.8%	25.9%
BID	Ngân hàng	33.2	5.1%	1.6	5,806	2.3	2,366	14.0	1.8	17.9%	13.3%
CTG	Ngân hàng	19.6	6.8%	1.3	3,165	5.9	2,541	7.7	0.9	29.6%	13.2%
VPB	Ngân hàng	20.3	4.1%	1.2	2,152	2.4	3,379	6.0	1.2	23.4%	21.5%
MBB	Ngân hàng	15.7	5.7%	1.1	1,641	4.6	3,476	4.5	1.0	23.6%	22.1%
ACB	Ngân hàng	20.5	4.6%	1.1	1,476	3.7	3,694	5.5	1.2	30.0%	24.6%
BMP	Nhựa	35.2	4.9%	0.9	125	0.3	5,165	6.8	1.2	79.3%	17.2%
NTP	Nhựa	27.6	2.2%	0.3	118	0.0	4,167	6.6	1.1	18.6%	17.0%
MSR	Tài nguyên	14.6	0.0%	0.7	628	0.0	356	41.0	1.2	2.0%	2.9%
HPG	Thép	17.8	4.1%	1.0	2,137	6.0	2,588	6.9	1.0	37.3%	17.1%
HSG	Thép	5.2	3.2%	1.7	96	0.6	1,161	4.5	0.4	17.8%	8.9%
VNM	Tiêu dùng	92.0	6.9%	0.7	6,966	11.9	5,478	16.8	5.8	58.7%	35.8%
SAB	Tiêu dùng	120.0	3.9%	0.8	3,346	0.7	7,477	16.0	4.1	63.3%	29.9%
MSN	Tiêu dùng	49.1	0.0%	0.9	2,495	6.1	4,772	10.3	1.3	37.3%	15.4%
SBT	Tiêu dùng	11.9	-6.7%	0.7	304	1.3	508	23.4	1.0	6.5%	4.4%
ACV	Vận tải	46.8	4.5%	0.8	4,430	0.3	2,630	17.8	3.3	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	97.1	0.6%	1.1	2,212	1.3	7,889	12.3	3.3	18.9%	28.7%
HVN	Vận tải	19.3	5.5%	1.7	1,190	0.7	1,640	11.8	1.5	9.8%	12.8%
GMD	Vận tải	16.3	3.8%	0.9	210	0.2	1,595	10.2	0.8	49.0%	8.1%
PVT	Vận tải	8.1	7.0%	0.9	99	0.5	2,421	3.4	0.5	29.4%	16.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	54.5	4.0%	1.1	379	0.5	8,824	6.2	2.5	2.4%	45.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	14.1	5.2%	0.7	275	0.1	1,453	9.7	1.0	13.1%	10.3%
HT1	Vật liệu xây dựng	10.9	0.0%	0.8	181	0.1	1,953	5.6	0.8	6.4%	14.2%
CTD	Xây dựng	53.0	3.3%	1.1	176	0.4	8,858	6.0	0.5	46.7%	8.2%
VCG	Xây dựng	24.5	0.0%	0.7	471	0.2	1,567	15.6	1.6	0.5%	10.2%
CII	Xây dựng	19.8	5.6%	0.4	213	1.6	2,769	7.2	0.9	48.2%	12.9%
POW	Điện	7.9	4.2%	0.6	799	0.8	1,064	7.4	0.7	12.5%	9.7%
NT2	Điện	16.8	2.1%	0.6	210	0.2	2,560	6.6	1.2	17.8%	19.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	76.50	6.99	4.83	1.40MLN
VCB	62.00	6.90	4.24	1.84MLN
VHM	59.10	6.87	3.64	1.83MLN
VNM	92.00	6.85	2.94	2.99MLN
GAS	60.10	6.94	2.13	1.07MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BHN	-0.01	-0.19	90.00	1.11MLN
SBT	-0.01	-0.14	2.50MLN	607060.00
HNG	0.00	-0.06	35550.00	373600.00
QCG	-0.01	-0.04	32080.00	192700.00
PGD	-0.01	-0.04	40220.00	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

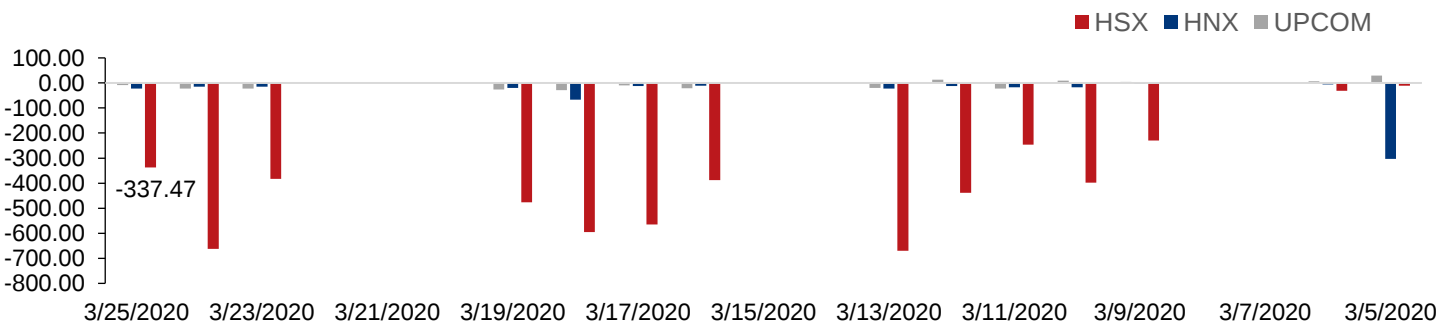
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	76.50	6.99	4.83	1.40MLN
NBB	19.90	6.99	0.04	529910.00
CSM	14.55	6.99	0.03	134590.00
ELC	4.60	6.98	0.00	91340.00
PVT	8.13	6.97	0.04	1.41MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VPS	8.91	-6.99	-0.01	1400.00
VSI	21.30	-6.99	-0.01	140.00
FDC	8.53	-6.98	-0.01	3150.00
UIC	33.35	-6.97	-0.01	4560.00
QCG	7.12	-6.93	-0.04	32080.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3
Giao dịch khối ngoại



Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
3	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
4	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
5	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
7	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
8	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
9	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
13	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
14	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
15	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
16	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
18	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019	Phân tích vĩ mô		Click
19	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	16.3	1,595	10.2	0.8	Click
2	ACB	Ngân hàng	Mua	16/3/2020	22.0	29.0	20.5	3,694	5.5	1.2	Click
3	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/2020	12.4	17.1	11.2	1,820	6.1	0.6	Click
4	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/2020	144.0	161.1	120.0	7,477	16.0	4.1	Click
5	KDH	Bất động sản	Mua	11/3/2020	23.0	28.9	19.4	1,695	11.4	1.4	Click
6	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/2020	106.2	127.3	92.0	5,478	16.8	5.8	Click
7	AAA	Sản xuất	Theo dõi	26/2/2020	12.6	15.0	10.6	2,690	3.9	0.6	Click
8	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/2020	106.2	171.1	73.0	8,655	8.4	2.7	Click
9	VHC	Thủy sản	Theo dõi	21/2/2020	34.5	35.0	22.0	6,362	3.5	0.8	Click
10	FPT	Công nghệ	Mua	21/2/2020	54.2	70.3	46.0	4,631	9.9	2.2	Click
11	DRC	Cao su	Mua	20/2/2020	23.3	28.8	17.3	2,109	8.2	1.3	Click
12	DGW	Bán lẻ	Mua	17/2/2020	28.0	33.9	18.8	3,897	4.8	0.9	Click
13	DHG	Y tế	Theo dõi	3/2/2020	93.0	n/a	80.8	4,668	17.3	3.1	Click
14	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	22.2	4,313	5.1	1.0	Click
15	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	54.9	5,361	10.2	2.7	Click
16	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	8.1	2,421	3.4	0.5	Click
17	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	142.8	14,782	9.7	3.9	Click
18	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	14.7	18.9	8.5	0	23.8	0.3	Click
19	MWG	Bán lẻ	Mua	16/12/2019	113.4	171.4	73.0	8,655	8.4	2.7	Click
20	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	13.9	15.9	20.5	3,694	5.5	1.2	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
KBC 2020Q1	13/3/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 17110 ; Giá tại Publish 12400 Chúng tôi khuyến nghị Mua cổ phiếu KBC với mức giá hợp lý khoảng 17,110 VND với mức chiết khấu 10% do quan ngại vấn đề pháp lý khiến các dự án trì hoãn so với kế hoạch và cập nhật KQKD 2019 thấp hơn dự báo và triển vọng 2020. BSC dự báo 2020, DT và LNST KBC lần lượt 3,359 tỷ đồng (+3.4% yoy) và LNST 1,177 tỷ đồng (+9% yoy) tương đương với EPS FW 2020 = 2,560 đồng/cp, P/E fwd = 5.8x từ (1) 60ha cho thuê từ KCN Nam Sơn Hạp Lĩnh (2) 4-5ha từ khu đô thị (KĐT Phúc Ninh, Trảng Duệ). (3) KCN Tân Phú Trung, KCN Quang Châu.
ACB 2019Q4	28/2/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 27800 Giá tại Publish 22900 Chúng tôi không thay đổi dự báo đối với ACB trong năm 2019 và 2020. Thu nhập lãi thuần +18.3% yoy, tuy nhiên NIM hiện đang ở mức đỉnh và khó có nhiều đột biến. 9M2019, LNTT tăng trưởng 16.4% yoy nhờ (1) NIM cải thiện nhẹ, (2) tăng trưởng tín dụng ở mức 11.1%, (3) Chi phí dự phòng giảm mạnh -75.5% yoy. Chất lượng tài sản được giữ vững vị thế tốt nhất trong ngành. NPL = 0.7%, LLCR = 158%.
Express TPB 2020Q1	28/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 23000 Giá tại Publish 20900 BSC dự báo TPB sẽ ghi nhận TOI và PBT lần lượt ở mức 8,088 tỷ VND (+8.5% yoy) và 4,120 tỷ VND (+28.5% yoy). TPB tiếp tục giữ tốc độ tăng trưởng cao trong quý 4/2019. LNTT +71.3% yoy cho năm 2019, tăng trưởng tín dụng ở mức 22.1%. NIM tăng mạnh 42 bps và đang ở mức đỉnh, khó có thể tăng trưởng trong thời gian tới.
DRC 2020Q1	28/2/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 28780 ; Giá tại Publish 23300 Chúng tôi dự báo DTT và LNST của DRC năm 2020 lần lượt vào khoảng 4,453 tỷ đồng (+14% yoy) và 308 tỷ đồng (+24% yoy) tương đương EPS = 2,599 VND. P/E fwd = 11x. • Tiêu thụ sản phẩm Radial 2020 được dự báo tiếp tục tăng trưởng tốt từ các đơn hàng xuất khẩu. (1) sản lượng tiêu thụ Radial năm 2020 sẽ đạt khoảng 115% công suất tương đương 670 nghìn lốp (+35% yoy) lốp trong đó tỷ trọng nội địa và xuất khẩu lần lượt 24% và 76%; (2) giá bán lốp Radial được chúng tôi kỳ vọng sẽ không giảm hoặc tăng nhẹ.
Express LPB 2020Q1	28/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu N/A Giá tại Publish 6900 LN tăng trưởng mạnh nhờ việc cắt chi phí dự phòng + tăng mạnh từ phí dịch vụ. Trong năm 2020, chúng tôi kỳ vọng LPB sẽ trích lập dự phòng nhiều hơn. Chất lượng tài sản, theo đánh giá của BSC, đang ở mức trung bình ngành và có xu hướng gia tăng về mức độ rủi ro. Tỷ lệ an toàn vốn, theo ước tính của BSC, giảm nhẹ, tuy nhiên vẫn đáp ứng được mức đề ra của SBV. Chúng tôi không có nhiều kỳ vọng về tăng trưởng trong năm 2020 của LPB, kỳ vọng tăng trưởng LN ở mức 10%-12% trong năm tới.
Express TCB 2020Q1	28/2/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 26000 ; Giá tại Publish 17900 Dự báo 2020: TOI = 25,938 tỷ VND (+23.1% yoy), LNTT = 15,177 tỷ VND (+18.2% yoy), BVPS 2020 = 21,120 VND/cp. LNTT +20.4% yoy nhờ: (1) Tăng trưởng từ lãi tiếp tục được cải thiện nhờ tăng trưởng tín dụng +19% ytd, NIM cải thiện 24 bps. (2) OPEX tăng mạnh, tuy nhiên nhờ việc trích lập dự phòng giúp LN vẫn tăng trưởng ở mức cao. CIR tăng lên mức 34.7%. Chất lượng tài sản được cải thiện, giảm chi phí dự phòng. Tuy nhiên, mức trích lập dự phòng thấp so với kỳ vọng của BSC. CAR giữ ở mức cao, đảm bảo an toàn.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn